

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ**

**MÃ NGÀNH: 8760101**

**Hà Nội, 2020**

## MỤC LỤC

<b>I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>3</b>
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo .....	3
1.2. Thông tin chung .....	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi .....	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals).....	5
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) .....	5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập.....	11
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	11
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập .....	13
1.9. Chiến lược và phương pháp đánh giá (AMs) .....	20
1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs).....	24
<b>II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....</b>	<b>35</b>
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy .....	35
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy .....	35
2.3. Danh sách học phần .....	38
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	41
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra .....	44
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	48
2.7. Tiến trình giảng dạy.....	52
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần .....	53
2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo .....	58
<b>III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>64</b>

# I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ về Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, chương trình trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn của công tác xã hội. Chương trình với hệ thống kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn trong công tác xã hội giúp người học có được phương pháp can thiệp hiệu quả với các nhóm đối tượng trong những bối cảnh khác nhau, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực công tác xã hội, có khả năng điều phối, quản lý, giám sát việc cung cấp các dịch vụ xã hội một cách hiệu quả; tham gia và thực hiện các nghiên cứu độc lập, phân tích và tư vấn chính sách xã hội cũng như đào tạo về công tác xã hội.

## 1.2. Thông tin chung

**Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội**

<b>Tên chương trình đào tạo</b>	Công tác xã hội
<b>Mã ngành đào tạo</b>	8760101
<b>Trình độ đào tạo</b>	Thạc sĩ
<b>Thời gian đào tạo</b>	2 năm
<b>Tên gọi văn bằng</b>	Thạc sĩ Công tác xã hội
<b>Trường cấp bằng</b>	Trường Đại học Lao động - Xã hội
<b>Khoa quản lý</b>	Khoa Công tác xã hội
<b>Số tín chỉ yêu cầu</b>	60 tín chỉ
<b>Website</b>	www.uls.edu.vn
<b>Fanpage</b>	
<b>Ban hành</b>	Quyết định số 2260A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

## 1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

**Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Công tác xã hội**

	<b>Trường Đại học Lao động - Xã hội</b>	<b>Khoa Công tác xã hội</b>
<b>Sứ mạng</b>	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như chuyển giao tri

	<b>Trường Đại học Lao động - Xã hội</b>	<b>Khoa Công tác xã hội</b>
	<p>nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.</p>	<p>thức, công nghệ trong các lĩnh vực công tác xã hội từ đó đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cũng như cộng đồng, xã hội.</p>
<b>Tầm nhìn</b>	<p>Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN</p>	<p>Đến năm 2030, Khoa công tác xã hội phấn đấu là cơ sở uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo sau đại học ngành công tác xã hội ở Việt Nam nhằm cung cấp nguồn nhân lực CTXH chất lượng cao cho cộng đồng xã hội.</p>
<b>Giá trị cốt lõi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuyên nghiệp.</li> <li>• Sáng tạo</li> <li>• Hội nhập</li> </ul>	<p><b>Chuyên nghiệp:</b> nghiên cứu ứng dụng, giảng dạy và học tập trong môi trường chuyên nghiệp.</p> <p><b>Sáng tạo:</b> phong cách học tập và làm việc độc lập, năng động, thích ứng nhanh với các bối cảnh trong lĩnh vực CTXH.</p> <p><b>Hội nhập:</b> Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới với các nước tiên tiến và ứng dụng một cách có chọn lọc với thực tiễn của cơ sở đào tạo.</p>

## **1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)**

### **1.4.1. Mục tiêu tổng quát**

Chương trình đào tạo thạc sĩ về Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, chương trình trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn của công tác xã hội. Chương trình với hệ thống kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn trong công tác xã hội giúp người học có được phương pháp can thiệp hiệu quả với các nhóm đối tượng trong những bối cảnh khác nhau, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực công tác xã hội, có khả năng điều phối, quản lý, giám sát việc cung cấp các dịch vụ xã hội một cách hiệu quả; tham gia và thực hiện các nghiên cứu độc lập, phân tích và tư vấn chính sách xã hội cũng như đào tạo về công tác xã hội.

### **1.4.2. Mục tiêu cụ thể**

**PO1:** Có kiến thức tổng quát làm cơ sở trong việc vận dụng vào các học phần chuyên ngành trong lĩnh vực CTXH. Ngoài ra người học sẽ có kiến thức nâng cao chuyên sâu về lý luận trong can thiệp các vấn đề đa dạng của từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể, các kiến thức về triết học, pháp luật, chính sách an sinh xã hội, kiến thức về quản trị các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội, có khả năng phối hợp và nghiên cứu độc lập cũng như các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH.

**PO2:** Vận dụng thành thạo và có khả năng hướng dẫn những người khác về các kỹ năng chuyên sâu trong làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng như: Kỹ năng thu thập, phân tích thông tin; kỹ năng biện hộ vận động chính sách, liên kết các cơ quan tổ chức và mạng lưới trong xã hội để cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho thân chủ; các kỹ năng phân tích hoạch định chính sách, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.

**PO3:** Có thái độ tôn trọng pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước; có năng lực ngoại ngữ và thái độ cầu thị trong việc học tập, nâng cao trình độ về phương pháp luận và tư duy khoa học sáng tạo; nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc. Luôn có thái độ hoà nhã và sẵn sàng giúp đỡ đối tượng và đồng nghiệp trong công việc. Nâng cao trách nhiệm và thái độ đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.

## **1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

### **Kiến thức:**

- **PLO1:** Hiểu rõ, phân tích sâu và vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Công tác xã hội nói chung, đặc biệt về chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ.
- **PLO2:** Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu và nâng cao về phương pháp nghiên cứu công tác xã hội và phân tích và hoạch định chính

sách xã hội, các kiến thức về công tác xã hội quốc tế để làm cơ sở để phân tích và ứng dụng vào triển khai trong các hoạt động nghiên cứu và hoạch định chính sách xã hội cho các nhóm thân chủ

- **PLO3:** Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mới về Công tác xã hội nhằm bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội
- **PLO4:** Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức nâng cao trong việc hỗ trợ giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác xã hội như trị liệu tâm lý, hành vi con người và môi trường xã hội, giới và phát triển bền vững.
- **PLO5:** Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức công tác xã hội chuyên sâu trong việc giải quyết vấn đề hoặc đáp ứng nhu cầu với từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể như công tác xã hội và chính sách xã hội với gia đình, công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình, công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần, công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng, tham vấn điều trị nghiện...

#### **Kỹ năng:**

- **PLO6:** Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.
- **PLO7:** Hiểu, viết các thuật ngữ quốc tế về lĩnh vực Công tác xã hội. Sử dụng được ngoại ngữ để miêu tả được các mô hình công tác xã hội hiện hành trên thế giới vận dụng trong phân tích ở Việt Nam
- **PLO8:** Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát triển cộng đồng, để trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lồng ghép giới.
- **PLO9:** Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội
- **PLO10:** Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ.

#### **Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:**

- **PLO11:** Người học có thái độ tôn trọng pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước; có thái độ cầu thị trong việc học tập, nâng cao trình độ về phương pháp

luận và tư duy khoa học sáng tạo; nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc.

- **PLO12:** Luôn có thái độ hoà nhã và sẵn sàng giúp đỡ đối tượng và đồng nghiệp trong công việc. Nâng cao trách nhiệm và thái độ đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.

**Trình độ ngoại ngữ:**

- **PLO13:** Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

**Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình**

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mục tiêu cụ thể (POs)		
	PO1	PO2	PO3
CĐR1 (PLO1)	X	X	X
CĐR2 (PLO2)	X	X	
CĐR3 (PLO3)	X	X	X
CĐR4 (PLO4)	X	X	X
CĐR5 (PLO5)	X	X	X
CĐR6 (PLO6)		X	X
CĐR7 (PLO7)	X	X	
CĐR8 (PLO8)	X	X	X
CĐR9 (PLO9)	X	X	X
CĐR10 (PLO10)	X	X	X
CĐR11 (PLO11)	X		X
CĐR12 (PLO12)			X
CĐR13 (PLO13)			X

**Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Công tác xã hội đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực**

Chuẩn đầu ra		Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
<b>CĐR1 (PLO1)</b>	Hiểu rõ, phân tích sâu và vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Công tác xã hội nói chung, đặc biệt	<b>K1+S1</b>	<b>4/6</b>

	về chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ.		
<b>CDR2 (PLO2)</b>	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu và nâng cao về phương pháp nghiên cứu công tác xã hội và phân tích và hoạch định chính sách xã hội, các kiến thức về công tác xã hội quốc tế để làm cơ sở để phân tích và ứng dụng vào triển khai trong các hoạt động nghiên cứu và hoạch định chính sách xã hội cho các nhóm thân chủ	<b>S3+S5</b>	<b>3/6</b>
<b>CDR3 (PLO3)</b>	Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mới về Công tác xã hội nhằm bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội	<b>S1+S4</b>	<b>5/6</b>
<b>CDR4 (PLO4)</b>	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức nâng cao trong việc hỗ trợ giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác xã hội như trị liệu tâm lý, hành vi con người và môi trường xã hội, giới và phát triển bền vững.	<b>S4</b>	<b>3/6</b>
<b>CDR5 (PLO5)</b>	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức công tác xã hội chuyên sâu trong việc giải quyết vấn đề hoặc đáp ứng nhu cầu với từng nhóm đối tượng xã hội cụ thể như công tác xã hội và chính sách xã hội với gia đình, công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình, công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần, công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng, tham vấn điều trị nghiện...	<b>S4</b>	<b>3/6</b>



<b>CDR6 (PLO6)</b>	Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.	<b>S2+S3+S4</b>	<b>4/6</b>
<b>CDR7 (PLO7)</b>	Hiểu, viết các thuật ngữ quốc tế về lĩnh vực Công tác xã hội. Sử dụng được ngoại ngữ để miêu tả được các mô hình công tác xã hội hiện hành trên thế giới vận dụng trong phân tích ở Việt Nam	<b>S3+S5</b>	<b>2/6</b>
<b>CDR8 (PLO8)</b>	Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát triển cộng đồng, để trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lồng ghép giới.	<b>S1+S2+S3+S4</b>	<b>3/6</b>
<b>CDR9 (PLO9)</b>	Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội	<b>K3+S1+S3</b>	<b>4/6</b>
<b>CDR10 (PLO10)</b>	Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ.	<b>K2+K3+S2</b>	<b>3/6</b>
<b>CDR11 (PLO11)</b>	Người học có thái độ tôn trọng pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà	<b>C1</b>	<b>3/6</b>

	nước; có thái độ cầu thị trong việc học tập, nâng cao trình độ về phương pháp luận và tư duy khoa học sáng tạo; nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc.		
<b>CDR12 (PLO12)</b>	Luôn có thái độ hoà nhã và sẵn sàng giúp đỡ đối tượng và đồng nghiệp trong công việc. Nâng cao trách nhiệm và thái độ đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.	<b>C3+C4</b>	<b>3/6</b>
<b>CDR13 (PLO13)</b>	Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.	<b>C1+C4</b>	<b>4/6</b>

### Danh mục các chuẩn đối sánh:

#### (1) TĐNL - Trình độ năng lực chung:

**Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung**

<b>Thang TĐNL</b>	<b>Khả năng hoạt động</b>	<b>Khả năng nhận thức</b>
1.0	Có thể nhớ lại các vấn đề	Khả năng Nhớ vấn đề
2.0	Có thể nắm được ý nghĩa của vấn đề	Khả năng Hiểu vấn đề
3.0	Có thể áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống	Khả năng Vận dụng vấn đề
4.0	Có khả năng chia vấn đề thành những phần nhỏ để chỉ ra các mối liên hệ	Khả năng Phân tích vấn đề
5.0	Có khả năng đưa ra nhận định về vấn đề	Khả năng Đánh giá vấn đề
6.0	Có khả năng tạo ra cái mới	Khả năng Sáng tạo vấn đề

#### (2) Khung TĐQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 7

##### Kiến thức (K):

K1. Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc ngành đào tạo.

K2. Kiến thức liên ngành có liên quan.

### K3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý.

#### *Kỹ năng (S):*

S1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học

S2. Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.

S3. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến

S4. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

S5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

#### *Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):*

C1. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

C2. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

C3. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

C4. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

### **1.6. Cơ hội việc làm và học tập**

#### **1.6.1. Cơ hội việc làm**

- Có đủ năng lực làm cán bộ quản lý, triển khai các chương trình, dự án tại các cơ quan thuộc của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như trong các ban, ngành đoàn thể khác như Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên...

- Có đủ năng lực làm việc tốt ở các vị trí điều phối, quản lý các chương trình, dự án xã hội trong các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước có chức năng nhiệm vụ liên quan tới phát triển xã hội, công tác xã hội, an sinh xã hội.

- Có đủ năng lực làm việc tốt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ trực tiếp và điều phối quản lý việc cung cấp các dịch vụ xã hội đó tại các cơ sở cung cấp dịch vụ khác như trong bệnh viện, trường học, tòa án...

- Có đủ năng lực để phối hợp và triển khai các nghiên cứu độc lập trong cơ quan, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến công tác xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, dịch vụ xã hội.

#### **1.6.2. Cơ hội học tập**

Người học có thể đăng ký thi tuyển học tập nâng cao trình độ ở cấp học Tiến sĩ đào tạo trong nước và ngoài nước. Đồng thời, có thể chủ động nghiên cứu, phát hiện, giải quyết vấn đề độc lập trong quá trình tích lũy kinh nghiệm, tri thức nâng cao trình độ.

### **1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh**

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

### **1.7.2. Quá trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 60 tín chỉ tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 2 năm.

### **1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ ngành Công tác xã hội khi đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường;

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động -

Xã hội..

#### 1.7.4. Hệ thống tính điểm

##### Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

##### Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot x \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$ : là điểm học phần thứ  $i$

$n_i$ : là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$ : là tổng số học phần

### 1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập

#### 1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng

mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành CTXH áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit leaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- **Thuyết giảng** (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận** (Guest Lecture): Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gợi mở** (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

### ***1.8.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động- Trải nghiệm***

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành CTXH áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; Thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi** (Game): Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế** (Field Trip): Thông qua các hoạt động đi thực tế, thực hành tại các cơ cung cấp dịch vụ xã hội, các trung tâm bảo trợ xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước, cộng đồng dân cư ... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các kỹ năng và kinh nghiệm đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình

thành kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.

**Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với người cùng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

### ***1.8.3. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy***

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề; Học theo tình huống. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

### ***1.8.4. Chiến lược dạy học tương tác***

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

### ***1.8.5. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu- giảng dạy***

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành CTXH sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường ĐH Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhật hỗ trợ hữu ích cho người học
- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc cao hơn.

### ***1.8.6. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ***

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của người học. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành CTXH.

### ***1.8.7. Chiến lược tự học***

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành CTXH áp dụng chủ yếu là Bài tập ở nhà.

- **Tự học, tự nghiên cứu (E-learning, Work Assignment):** Giảng viên giao các nhiệm vụ cụ thể để người học tự học, tự nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Người học chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết, thông qua đó người học rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng nghiên cứu.
- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra.



Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây.

**Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)**

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs												
		Kiến thức					Kỹ năng					Tự chủ, tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>I</b>	<b>Dạy học trực tiếp</b>													
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x			x	x		x	
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x		x		x	x	x	x	
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>II</b>	<b>Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm</b>													
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x	x		x						x	x	x
TLM6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x	x	x		x	x		x		x		x
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
<b>III</b>	<b>Dạy kỹ năng tư duy</b>													
TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs												
		Kiến thức					Kỹ năng					Tự chủ, tự chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>IV</b>	<b>Dạy học tương tác</b>													
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
<b>V</b>	<b>Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy</b>													
TLM11	Nghiên cứu độc lập		x	x	x	x	x	x		x			x	x
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)		x	x	x	x	x	x					x	
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)						x	x						
<b>VI</b>	<b>Dạy học dựa vào công nghệ</b>													
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
<b>VII</b>	<b>Tự học</b>													
TLM15	Tự học, tự nghiên cứu/Bài tập ở nhà (E-learning, Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

## **1.9. Chiến lược và phương pháp đánh giá (AMs)**

### **1.9.1. Các phương pháp đánh giá**

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo hiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

#### **1.9.1.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/ Formative Assessment)**

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tập cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành, đồ án, thực tập,...).

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc

một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được.

### **1.9.1.2 Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)**

Mục tiêu của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết (Written Exam):**

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):**

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):**

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo (Written Report):**

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của người học, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình** (Oral Presentation):

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment):

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lý, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành** (practice):

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp** (graduation report, Thesis):

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

**Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>I</b>	<b>Đánh giá theo tiến trình (Ongoing, Formative Assessment)</b>													
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
<b>11</b>	<b>Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)</b>													
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		

AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
AM7	Viết báo cáo (Written Report)		x	x	x	x	x	x	x					
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x	x	x	x	x		x	x	x		x	x
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM10	Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x

### 1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

**Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)**

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TLMs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
<b>PLO1</b>	CHTH501	Triết học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTNN502	Tiếng Anh chuyên ngành		
	CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTL513	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTT514	Trị liệu tâm lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTGP524	Giới và phát triển bền vững	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTNC503	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9



<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTCS512	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO2</b>	CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTCS512	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCT520	CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO3</b>	CTBT505	Công tác xã hội quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
<b>PLO4</b>	CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTL513	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	CTTT514	Trị liệu tâm lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTGP524	Giới và phát triển bền vững	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTNC503	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXC506	CTXH cá nhân nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCS512	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTX519	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO5</b>	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCT520	CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO6</b>	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
<b>PLO7</b>	CTTL513	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTT514	Trị liệu tâm lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTNC503	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO7</b>	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO8</b>	CTTL513	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCT520	CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO9</b>	CTBT505	Công tác xã hội quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO10</b>	CTXC506	CTXH cá nhân nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	<b>CTTX519</b>	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCT520	CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO11</b>	CTXC506	CTXH cá nhân nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
<b>PLO12</b>	CHTH501	Triết học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTL513	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTT514	Trị liệu tâm lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTGP524	Giới và phát triển bền vững	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBT505	Công tác xã hội quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCD	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTCS512	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8



<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTX519	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCT520	CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
<b>PLO13</b>	CTNN502	Tiếng Anh chuyên ngành		
	CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTNC503	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBT505	Công tác xã hội quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9

<b>Chuẩn đầu ra PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học TMLs</b>	<b>Phương pháp đánh giá AMs</b>
	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

### 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy. Trong đó:

**Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Công tác xã hội**

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Kiến thức chung	4	6,7
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	44	73,3
3	Luận văn thạc sĩ	12	20
Tổng cộng		60	100%

### 2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

#### 2.2.1. Khối kiến thức chung (4 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học:

- Những kiến thức cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung về xã hội và con người.

#### 2.2.2. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (44 tín chỉ)

**Khối kiến thức cơ sở nhằm cung cấp cho người học:**

- Kiến thức tiếng Anh chuyên ngành CTXH như: vai trò của công tác xã hội quốc tế, công tác xã hội thực hành, truyền thông trong công tác xã hội, phong trào giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới, buôn bán trẻ em và phụ nữ, bạo lực gia đình, trẻ em đường phố...

- Kiến thức về phân tích và hoạch định chính sách như cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách.

- Kiến thức về trị liệu tâm lý, tâm lý học lao động như vai trò ứng dụng của tâm lý học đối với quản trị nhân sự, yếu tố cá nhân người lao động và hiệu quả lao động; công tác nhóm và quản lý nhóm trong tập thể lao động để có hiệu quả trong lao động của tâm lý học và một số kỹ năng xử lý tình huống trong lao động

- Kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững, vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với các chương trình, chính sách và dự án.

- Kiến thức về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng: hệ thống về khuyết tật và người khuyết tật, phân loại khuyết tật, mô hình khuyết tật, kiến thức về Phục hồi chức

năng dựa vào cộng đồng và nắm lĩnh vực cơ bản trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật

**Khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học:**

- Kiến thức về phương pháp nghiên cứu trong CTXH
- Kiến thức về Công tác xã hội quốc tế như Lịch sử phát triển, công tác xã hội và toàn cầu hóa, những vấn đề hiện nay của công tác xã hội trên thế giới và xu hướng phát triển của công tác xã hội trong tương lai.
- Kiến thức về Công tác xã hội cá nhân nâng cao như các triết lý, giá trị, nguyên tắc làm việc, quy trình và những kỹ năng chuyên sâu cần thiết cho nhân viên Công tác xã hội khi làm việc với các cá nhân có vấn đề.
- Kiến thức về Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội như kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội.
- Kiến thức về Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung.
- Kiến thức về Kiểm huấn trong Công tác xã hội như khái niệm về Kiểm huấn cũng như vai trò của của Kiểm huấn trong lĩnh vực Công tác xã hội và các hình thức kiểm huấn khác nhau.
- Kiến thức về Thực hành công tác xã hội chuyên sâu trong một lĩnh vực hoặc một kỹ năng cụ thể của thực hành CTXH.
- Kiến thức về CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình: kiến thức cơ bản về lý luận về Công tác xã hội trong cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình, các kiến thức cơ bản của vấn đề bạo lực gia đình, vai trò và vị trí của công tác xã hội trong phát triển xã hội công dân, trong phòng chống các tệ nạn xã hội.
- Kiến thức về Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao: phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa HVCN và MTXH trong các điều kiện của hoàn cảnh xã hội (gia đình, nhóm, cộng đồng, xã hội)
- Kiến thức về CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần: một số loại bệnh tâm thần, dấu hiệu và một số can thiệp cần thiết của nhân viên xã hội, các chính sách, chương trình dịch vụ trong lĩnh vực CSSKTT trên thế giới và Việt Nam.
- Kiến thức về CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng như quy trình can thiệp và các kỹ năng chuyên biệt của nhân viên xã hội trong việc hỗ trợ nhóm trẻ em này.
- Kiến thức về Tham vấn điều trị nghiện ma túy như vào quy trình, kỹ năng tham vấn cho người nghiện.

### 2.2.3. Luận văn thạc sĩ (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này giúp người học khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành vào thực tế công việc với các lĩnh vực và đối tượng đặc thù của CTXH.

**Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)**

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)													
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1	Kiến thức chung	6	10	M	H	L	M	M	M	M	M	M	M	L	M	L	L
2	Kiến thức cơ sở	12	20	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H	M
3	Kiến thức chuyên ngành	30	50	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
4	Luận văn thạc sĩ	12	20	M	M	H	H	H	H	H	H	M	H	M	H	H	H

*Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp*

### 2.3. Danh sách học phần

**Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành Công tác xã hội**

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thi nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>1.1 Kiến thức chung</b>				<b>4</b>						
	CHTH501	Triết học	Philosophia	4	0	0	0	0		
<b>1.2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>				<b>44</b>						
<b>1.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>			<b>14</b>						
<b>1.2.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1.2.1.1.1	CTNN502	Tiếng Anh chuyên ngành		4	0	0	0	0		
1.2.1.1.2	CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	Analysis and planning social policy	3	2	1	0	0		
<b>1.2.2.1</b>	<b>Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)</b>			<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1.2.2.1.1	CTTL513	Tâm lý học lao động	Labor psychology	3	2	1	0	0		
1.2.2.1.2	CTTT514	Trị liệu tâm lý	Psychology treatment	3	2	1	0	0		
1.2.2.1.3	CTGP524	Giới và phát triển bền vững	Gender and sustainable development	3	2	1	0	0		
1.2.2.1.4	CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Community based rehabilitation	3	2	1	0	0		
<b>1.2.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>									
<b>1.2.2.2</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>19</b>						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2.2.2.1	CTNC503	Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội nâng cao	Advanced research methodology in social work	3	2	1	0	0		
1.2.2.2.2	CTBT505	Công tác xã hội quốc tế	International social work	2	1	1	0	0		
1.2.2.2.3	CTXC506	Công tác xã hội cá nhân nâng cao	Advance social work with individual	2	1	1	0	0		
1.2.2.2.4	CTXN507	Công tác xã hội nhóm nâng cao	Advanced group work	2	1	1	0	0		
1.2.2.2.5	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	Administration in organization development social service provided	2	1	1	0	0		
1.2.2.2.6	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	Community development project planning and management	2	1	1	0	0		
1.2.2.2.7	CTKH510	Kiểm huấn trong Công tác xã hội	Social work supervision	2	2	0	0	0		
1.2.2.2.8	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	Specialized social work practice	4	1	3	0	0		
<b>1.2.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 9 môn)</b>			<b>12</b>						
1.2.2.2.1.	CTCS512	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	Social work and social policy with the family	3	2	1	0	0		
1.2.2.2.2.	CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	Clinical assessment in social work	3	2	1	0	0		

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2.2.2.3.	CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	Social work with young people	3	2	1	0	0		
1.2.2.2.4.	CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	Social works in family violence prevention	3	2	1	0	0		
1.2.2.2.5.	CTTX519	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	Advance in human behavior and the social environment	3	2	1	0	0		
1.2.2.2.6.	CTCT520	CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần	Social work in mental heath	3	2	1	0	0		
1.2.2.2.7.	CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	Social work with disabilities	3	2	1	0	0		
1.2.2.2.8.	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	Social work with child protection from abuse, exploit and neglect	3	2	1	0	0		
1.2.2.2.9.	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	Counselling in drugaddition	3	2	1	0	0		
<b>1.3 Luận văn thạc sĩ</b>				<b>12</b>						
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>						



## 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs												
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
		<b>1.1 Kiến thức chung</b>													
1	CHTH501	Triết học	I, T											T,U	
	<b>1.2.2001</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>													
	<i>1.2.1.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>													
2	CTNN502	Tiếng Anh chuyên ngành	X											X	
3	CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	I, T	I, T		I,T,U								T, U U	
	<i>1.2.2.1</i>	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)</i>													
4	CTTL513	Tâm lý học lao động	I, T			I, T			I,T,U	I,T,U				T,U	
5	CTTT514	Trị liệu tâm lý	I, T			I, T			I,T,U					I,U	
6	CTGP524	Giới và phát triển bền vững	I, T			I,T,U								I,U	
7	CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	I, T	I, T		I,T,U								I,U	
	<b>1.2.2002</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>													
	<i>1.2.2.2</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>													

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs														
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ		
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13		
8	CTNC503	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	I, T			I, T				I,T,U							T,U
9	CTBT505	Công tác xã hội quốc tế			I, T							I, T, U				T,U	T,U
10	CTXC506	CTXH cá nhân nâng cao				I, T							I,T,U	I,T,U			
11	CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	I, T	I, T	I,T,U	I,T,U	I,T,U	I,T,U	T,U	T,U				I,U	I,U		I,U
12	CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội	I, T	I, T					T, U		T, U	T, U					T, U
13	CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ				I, T				I, T, U	I, T, U				T, U	T, U	T, U
14	CTKH510	Kiểm huấn trong công tác xã hội	I, T	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U	I, T, U				U	U		U
15	CTTH511	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	I, T	I, T	I, T				T, U	T, U	T, U				T, U	T, U	
	<b>1.2.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 9 môn)</b>															
16	CTCS512	CTXH và chính sách xã hội với gia đình	I, T	I, T		I, T											I,T,U
17	CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	I, T			I,T,U				I,T,U	I,T,U						I,T,U

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs												
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và chịu trách nhiệm		Trình độ ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
18	CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên		I, T			I, T			I,T,U		I,T,U		I,U	
19	CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình		I, T			I, T			I,T,U		I,T,U		I,T,U	
20	CTTX519	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao				I, T						I,T,U		I,U	
21	CTCT520	CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần		I, T			I, T			I,T,U		I,T,U		I,U	
22	CTCH521	Cán thiệp hỗ trợ người khuyết tật	I, T			I,T,U			I,T,U			T,U		I,U	
23	CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và sao nhãng	I, T			I, T		I,T,U	I,T,U	I,T,U				I,U	
24	CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	I, T			I, T	I,T,U		I,T,U	I,T,U				I,U	

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, U - Utilize

## **2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra**

### **I. Dạy học trực tiếp**

TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)

TLM2 - Thuyết giảng (Lecture)

TLM3 - Tham luận (Guest Lecture)

TLM4 - Câu hỏi gợi mở (Inquiry)

### **II Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm**

TLM5 - Trò 'chơi (Game)

TLM6 - Thực tập, thực tế (Field Trip)

TLM7 - Thảo luận (Discussion)

### **III Dạy kỹ năng tư duy**

TLM8 – Giải quyết vấn đề(Problem Solving)

TLM9 – Học theo tình huống( Case study)

### **IV.Dạy học tương tác**

TLM10 - Học nhóm (Teamwork Learning)

### **V. Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy**

TLM11 – Nghiên cứu độc lập

TLM12 – Dự án Nghiên cứu (Research Project)

TLM13 – Nhóm nghiên cứu giảng dạy(Teaching Research Team)

### **VI. Dạy học dựa vào công nghệ**

TLM14 - Học trực tuyến (E-Leaming)

### **VII. Tự học**

TLM15- Tự học, tự nghiên cứu/Bài tập ở nhà (**E-learning, Work Assignment**)

**Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra**

Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TLMs														
		Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tư duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học
		TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9		TLM 10	TLM 11	TLM 12		
	<b>1.1 Kiến thức chung</b>															
<b>CHTH501</b>	Triết học	X	X		X				X	X		X				X
	<b>1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>															
<b>1.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>															
<b>1.2.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>															
CTNN502	Tiếng Anh chuyên ngành															
CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách Xã hội	X	X		X				X						X	X
<b>1.2.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)</b>															
CTTL513	Tâm lý học lao động	X	X		X				X						X	X
CTTT514	Trị liệu tâm lý	X	X		X				X						X	X
CTGP524	Giới và phát triển bền vững	X	X		X				X						X	X

Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TLMs														
		Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tư duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học
		TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TL M15
CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	X	X		X			X							X	X
<b>1.2.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>															
<i>1.2.2.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>															
CTNC503	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	X	X		X			X							X	X
CTBT505	Công tác Xã hội quốc tế	X	X		X			X							X	X
CTXC506	CTXH cá nhân nâng cao	X	X		X			X							X	X
CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	X	X		X			X							X	X
CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Xã hội	X	X		X			X							X	X
CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	X	X		X			X							X	X
CTKH510	Kiểm huấn trong công tác Xã hội	X	X		X			X							X	X

Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TLMs														
		Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tư duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học
		TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TL M15
CTTH511	Thực hành công tác Xã hội chuyên sâu	X	X		X				X	X				X		X
<b>1.2.2.2</b>	<b><i>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 9 môn)</i></b>															
CTCS512	CTXH và chính sách Xã hội với gia đình	X	X		X				X						X	X
CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	X	X		X				X						X	X
CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	X	X		X				X						X	X
CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	X	X		X				X						X	X
<b>CTTX519</b>	Hành vi con người và môi trường Xã hội nâng cao	X	X		X				X						X	X
CTCT520	CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	X	X		X				X						X	X
CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	X	X		X				X						X	X

Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TLMs														
		Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tư duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học
		TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TL M15
CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi Xâm hại, bóc lột và sao nhãng	X	X					X							X	X
CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	X	X					X							X	X

## 2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs														
		Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ											
		AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10					
	<b>1.1 Kiến thức chung</b>															
CHTH501	Triết học	X	X		X				X							
	<b>1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>															



Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
		Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
		AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
<b>1.2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>										
<i>1.2.1.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>										
CTNN502	Tiếng Anh chuyên ngành										
CTPH504	Phân tích và hoạch định chính sách Xã hội	X	X	X	X			X	X		
<i>1.2.1.2</i>	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn)</i>										
CTTL513	Tâm lý học lao động	X	X	X	X			X	X		
CTTT514	Trị liệu tâm lý	X	X	X	X			X	X		
CTGP524	Giới và phát triển bền vững	X	X	X	X			X	X		
CTPH518	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	X	X	X	X			X	X		
<b>1.2.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>										
<i>1.2.2.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>										

Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
		Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
		AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
CTNC503	Phương pháp nghiên cứu CTXH nâng cao	X	X	X	X			X	X		
CTBT505	Công tác Xã hội quốc tế	X	X	X	X			X	X		
CTXC506	CTXH cá nhân nâng cao	X	X	X	X			X	X		
CTXN507	CTXH nhóm nâng cao	X	X	X	X			X	X	X	
CTQT508	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Xã hội	X	X	X	X			X	X		
CTXQ509	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ	X	X	X	X			X	X		
CTKH510	Kiểm huấn trong công tác Xã hội	X	X	X	X			X	X		
CTTH511	Thực hành công tác Xã hội chuyên sâu	X	X	X	X			X	X	X	
<b>1.2.2.2</b>	<b><i>Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 9 môn)</i></b>										
CTCS512	CTXH và chính sách Xã hội với gia đình	X	X	X	X			X	X		
CTLS515	Đánh giá lâm sàng trong CTXH	X	X	X	X			X	X		

Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
		Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
		AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
CTTN516	CTXH với thanh thiếu niên	X	X	X	X			X	X		
CTPC517	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình	X	X	X	X			X	X		
<b>CTTX519</b>	Hành vi con người và môi trường Xã hội nâng cao	X	X	X	X			X	X		
CTCT520	CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	X	X	X	X			X	X		
CTCH521	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	X	X	X	X			X	X		
CTTE522	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi Xâm hại, bóc lột và sao nhãng	X	X	X	X			X	X		
CTTV523	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	X	X	X	X			X	X		

## 2.7. Tiến trình giảng dạy

**Bảng 2.7 Sơ đồ tiến trình đào tạo**

<b>SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI</b>											
<b>Học kỳ I</b>	Triết học (4TC)		Tiếng Anh chuyên ngành (4TC)		Phương pháp nghiên cứu công tác Xã hội nâng cao (3TC)		Phân tích và hoạch định chính sách Xã hội (3TC)		Công tác Xã hội quốc tế (2TC)	Công tác Xã hội cá nhân nâng cao (2TC)	Công tác Xã hội nhóm nâng cao (2TC)
<b>Học kỳ II</b>	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Xã hội (2TC)	Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ (2TC)	Kiểm huấn trong Công tác Xã hội (2TC)	Thực hành công tác Xã hội chuyên sâu (4TC)	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 06/13 học phần, 18/39 tín chỉ)</i>						
					CTXH và chính sách Xã hội với gia đình (3TC)	Tâm lý học lao động (3TC)	Tri liệu tâm lý (3TC)	Đánh giá lâm sàng trong CTXH (3TC)	CTXH với thanh thiếu niên (3TC)	CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình (3TC)	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (3TC)
<b>Học kỳ III</b>	Hành vi con người và môi trường Xã hội nâng cao (3TC)	CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần (3TC)	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật (3TC)	Tham vấn điều trị nghiện ma túy (3TC)	Hành vi con người và môi trường Xã hội nâng cao (3TC)	CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần (3TC)	Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật (3TC)	CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi Xâm hại, bóc lột và sao nhãng (3TC)	Tham vấn điều trị nghiện ma túy (3TC)	Giới và phát triển bền vững (3TC)	Luận văn thạc sĩ (12TC)
<b>Học kỳ IV</b>	Luận văn thạc sĩ (12TC)										

## **2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần**

### **1) Triết học**

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về Xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - Xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức Xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

### **2) Tiếng Anh chuyên ngành**

Số tín chỉ: 04

Học phần này cung cấp cho học viên một số những thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Công tác Xã hội.

Học phần này nhằm cung cấp cho học viên một số các cụm từ, thuật ngữ của các chuyên đề chuyên sâu của ngành công tác Xã hội như: vai trò của công tác Xã hội quốc tế, công tác Xã hội thực hành, truyền thông trong công tác Xã hội, phong trào giải phóng phụ nữ, bình đẳng giới, buôn bán trẻ em và phụ nữ, bạo lực gia đình, trẻ em đường phố..... Ngoài ra học phần này cũng cung cấp thêm một số hiện tượng ngữ pháp về cấu trúc câu phức, các loại mệnh đề phục vụ nâng cao kỹ năng đọc và kỹ năng viết cho học viên.

### **3) Phân tích và hoạch định chính sách Xã hội**

Số tín chỉ: 03

Học phần này phân tích về quá trình hoạch định chính sách và những nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động phân tích chính sách. Học phần đề cập đến các nội dung như cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách. Việc hoạch định và phân tích chính sách sẽ được thực hành trên một số chính sách Xã hội cụ thể ở Việt Nam.

### **4) Tâm lý học lao động**

Số tín chỉ: 03

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản như vai trò ứng dụng của tâm lý học đối với quản trị nhân sự, yếu tố cá nhân người lao động và hiệu quả lao động; công tác nhóm và quản lý nhóm trong tập thể lao động để có hiệu quả trong lao động của tâm lý học và một số kỹ năng Xử lý tình huống trong lao động.

### **5) Trị liệu tâm lý**

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung về Tâm lý trị liệu (TLTL) như đối tượng, nhiệm vụ, tầm quan trọng của TLTL, các nguyên tắc đạo đức của TLTL, đồng thời học phần cũng cung cấp cho người học các biểu hiện bệnh lý và các công cụ đánh giá bệnh lý và một số lý thuyết tiếp cận trong TLTL, trên cơ sở đó người học có thể vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động TLTL cho thân chủ.

#### **6) Giới và phát triển bền vững**

Số tín chỉ: 03

Môn học này trước hết cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững. Tiếp đó là những phân tích khoa học về giới trong mối quan hệ với phát triển bền vững được nghiên cứu trọng tâm và dưới nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống Xã hội. Cuối cùng môn học này đề cập đến việc vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với các chương trình, chính sách và dự án.

#### **7) Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng**

Số tín chỉ: 03

Học phần trình bày những kiến thức tổng quan, cơ bản, hệ thống về khuyết tật và người khuyết tật, phân loại khuyết tật, mô hình khuyết tật, kiến thức về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và năm lĩnh vực cơ bản trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật (y tế, giáo dục, sinh kế, Xã hội và tăng quyền).

#### **8) Phương pháp nghiên cứu công tác Xã hội nâng cao**

Số tín chỉ: 03

Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống phương pháp nghiên cứu trong CTXH, các bước tiến hành nghiên cứu trong CTXH, cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế các loại hình nghiên cứu trong CTXH, kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.

#### **9) Công tác Xã hội quốc tế**

Số tín chỉ: 02

Môn học giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan nghề công tác Xã hội (CTXH) trên thế giới: Lịch sử phát triển, công tác Xã hội và toàn cầu hóa, những vấn đề hiện nay của công tác Xã hội trên thế giới và Xu hướng phát triển của công tác Xã hội trong tương lai. Môn học cũng cập nhật kiến thức về hệ thống chính sách, chương trình phát triển nghề công tác Xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

#### **10) Công tác Xã hội cá nhân nâng cao**

Số tín chỉ: 2

Học phần này tập trung vào một số kiến thức chuyên sâu của Công tác Xã hội cá nhân như các triết lý, giá trị, nguyên tắc làm việc, quy trình và những kỹ năng chuyên sâu cần thiết cho nhân viên Công tác Xã hội khi làm việc với các cá nhân có vấn đề.

Học phần cũng sẽ cung cấp những kiến thức chuyên sâu với các vấn đề đặc thù trong lĩnh vực Công tác Xã hội cá nhân.

### **11) Công tác Xã hội nhóm nâng cao**

Số tín chỉ: 02

Môn học nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển CTXH nhóm trên thế giới và Việt Nam. Ngoài ra, môn học giới thiệu về thực trạng thực hành CTXH nhóm hiện nay trong đó có các mô hình CTXH nhóm hiện đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới và Việt Nam, các hạn chế và những khó khăn trong thực hành CTXH nhóm. Môn học tập trung vào việc cung cấp kiến thức kỹ năng làm việc với một số nhóm đối tượng đặc thù trong trường học, bệnh viện, trung tâm và các trung tâm bảo trợ Xã hội.

### **12) Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Xã hội**

Số tín chỉ: 02

Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho Xã hội. Những kỹ năng cốt lõi của quản trị như việc hoạch định chiến lược phát triển cơ quan nhằm triển khai thực hiện các chính sách Xã hội thành dịch vụ Xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan phù hợp với tình hình chính trị, Xã hội và kinh tế để đạt được việc phân phối các nguồn lực trong Xã hội, đáp ứng các yêu cầu về an sinh Xã hội. Môn học nhấn mạnh đến tinh thần làm việc hợp tác theo nhóm, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để đề xuất các chính sách Xã hội cần thiết và phù hợp cho Xã hội.

### **13) Xây dựng và quản lý dự án PTCD**

Số tín chỉ: 02

Học phần này giới thiệu phương pháp, quy trình Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác Xã hội và dựa trên tổng quan về Xây dựng và quản lý dự án nói chung. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu một số công cụ và phương pháp quan trọng hỗ trợ cho quá trình Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng, trong đó đáng chú ý là phương pháp tiếp cận khung logic cũng như phương pháp Xây dựng khung logic- một công cụ quan trọng cho quá trình tư duy cũng như quá trình Xây dựng, quản lý, đặc biệt là quá trình giám sát, đánh giá và kiểm toán dự án.

### **14) Kiểm huấn trong Công tác Xã hội**

Số tín chỉ: 02

Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nội dung Kiểm huấn trong Công tác Xã hội. Học viên sẽ nắm chắc được các khái niệm về Kiểm huấn cũng như vai trò của của Kiểm huấn trong lĩnh vực Công tác Xã hội và các hình thức kiểm huấn khác nhau. Ngoài ra để giúp học viên có được cái nhìn chuyên sâu và có thể

áp dụng được các nội dung trong lĩnh vực kiểm huấn thì học phần cũng cung cấp các kiến thức về tiến trình kiểm huấn có hiệu quả trong lĩnh vực Công tác Xã hội cũng như kiểm huấn trong các lĩnh vực vụ thể.

### **15) Thực hành công tác Xã hội chuyên sâu**

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho người học kiến thức thực hành chuyên sâu trong một lĩnh vực hoặc một kỹ năng cụ thể của thực hành CTXH. Sau khi kết thúc kỳ thực hành, người học có thể làm việc chuyên sâu một trong những lĩnh vực của thực hành CTXH, cụ thể:

- 1) Thực hành CTXH với một nhóm đối tượng đặc thù
- 2) Đánh giá và Xây dựng dự án phát triển địa phương
- 3) Nghiên cứu
- 4) Quản trị CTXH
- 5) Đào tạo CTXH

### **16) CTXH và chính sách Xã hội với gia đình**

Số tín chỉ: 03

Công tác Xã hội, chính sách Xã hội với gia đình là một bộ phận trong ngành công tác Xã hội chuyên nghiệp. Nó được hình thành trong bối cảnh mạng lưới phát triển của hệ thống an sinh Xã hội và an sinh gia đình nói riêng.

Gia đình là đơn vị Xã hội cơ bản. Chức năng của gia đình là để khuyến khích, bảo vệ và làm cho mọi thành viên thích nghi với Xã hội. Các Nhân viên Công tác Xã hội cung cấp các dịch vụ trực tiếp cho gia đình. Các dịch vụ được cung cấp: trường học, bệnh viện, trạm y tế sức khỏe tâm thần, các cơ quan an sinh, bệnh viện điều dưỡng, nhà an toàn và những nơi nương tựa... Các Nhân viên Công tác Xã hội được trang bị đầy đủ, hệ thống về kỹ năng và giá trị đạo đức hành nghề, tác động vào các thành viên trong gia đình để tăng cường chức năng tối ưu của tất cả các gia đình, chuyển dịch vụ hợp lý tới họ, dựa trên sự tôn trọng tính cách, sắc tộc, giai cấp, giới, tôn giáo và định hướng giới tính của từng thành viên trong gia đình.

Như vậy, môn học cung cấp các lý thuyết và kỹ năng trị liệu gia đình, đặc biệt cho người học, để họ hiểu và trải qua sự phức tạp của công việc với gia đình khi tham gia, đánh giá và can thiệp để vượt qua những rào cản và đưa đến cho các hộ gia đình những chính sách Xã hội tối ưu nhất.

### **17) Đánh giá lâm sàng trong CTXH**

Số tín chỉ: 03

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về các phương pháp đánh giá và chẩn đoán lâm sàng dựa trên quan điểm lịch sử và phát triển, về các hệ thống phân loại phổ biến và các lý thuyết chính yếu liên quan tới căn nguyên và bản chất của các rối loạn tinh thần, về các tiếp cận trị liệu đối với các rối loạn này.



Môn học này sẽ đề cập tới một số rối loạn chủ yếu mà các Nhân viên Xã hội có thể sẽ gặp phải trong quá trình làm việc. Đồng thời, môn học nhấn mạnh sự tác động của nền văn hóa, của các tầng lớp và các giá trị Xã hội lên cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng và các thể chế Xã hội.

Cuối cùng, môn học cung cấp cho học viên những hiểu biết về sức khỏe tâm thần và các chứng bệnh tâm thần, về quá trình đánh giá thân chủ bệnh lý hay khỏe mạnh dựa trên một khung tham chiếu tâm lý Xã hội và sinh học.

### **18) CTXH với thanh thiếu niên**

Số tín chỉ: 03

Học phần công tác Xã hội với thanh niên cung cấp cho học viên khối lượng tri thức và kỹ năng để làm việc với lứa tuổi thanh niên và người học bao gồm nhiều nhóm đặc thù khác nhau như thanh niên và người học thành thị hay nông thôn, thu nhập cao hay thu nhập thấp, nam hay nữ, dân tộc Kinh hay dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức về tâm lý tình cảm của thanh niên, những mong muốn, nguyện vọng, Xu hướng, tính cách của thanh niên trong sự phát triển nhân cách toàn diện để thanh niên có một lối sống lành mạnh. Đồng thời khi nghiên cứu học phần này, người học biết cách tiếp cận thanh niên và cách thức can thiệp hỗ trợ thanh niên trong những tình huống khó khăn, bế tắc không hoàn toàn giống với những lứa tuổi khác giúp thanh niên phát triển trở thành những công dân có ích cho Xã hội. Thực tế, nhân viên Công tác Xã hội phải làm việc trực tiếp với nhiều nhóm thanh niên khác nhau, vì vậy người học ngành công tác Xã hội cần được cung cấp tri thức và kỹ năng để làm việc với các đối tượng thanh niên và người học khác nhau.

### **19) CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình**

Số tín chỉ: 03

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận về Công tác Xã hội trong cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình, các kiến thức cơ bản của vấn đề bạo lực gia đình, vai trò và vị trí của công tác Xã hội trong phát triển Xã hội công dân, trong phòng chống các tệ nạn Xã hội. Giới thiệu những hoạt động của công tác Xã hội cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình của một số nước trên thế giới và Việt Nam trong thời gian gần đây, các hình thức cứu trợ, hiệu quả, các bài học... Hướng phát triển của công tác Xã hội trong cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình trong thời gian tới. Môn học cũng cung cấp các kỹ năng của công tác Xã hội cứu trợ nạn nhân bạo lực gia đình (các bước tiến hành, phẩm chất của người làm công tác Xã hội, kỹ thuật của Công tác Xã hội, đặc thù của công việc, con đường tới thành công), áp dụng các phương pháp khoa học hiện đại trong nghiên cứu và hoạt động thực tiễn của Công tác Xã hội.

### **20) Hành vi con người và môi trường Xã hội nâng cao**

Số tín chỉ: 03

Cung cấp những kiến thức cơ bản nâng cao về HVCN và MTXH. Đồng thời đề cập đến cơ sở sinh lý thần kinh của hành vi, các lý thuyết về sự phát triển hành vi. Các

lý thuyết nghiên cứu HVCN từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 làm nền tảng cơ sở lý luận cho người học trong quá trình phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa HVCN và MTXH trong các điều kiện của hoàn cảnh Xã hội (gia đình, nhóm, cộng đồng, Xã hội) khi phải giải quyết những vấn đề trong thực tiễn. Mối quan hệ đặc biệt giữa các giai đoạn lứa tuổi với môi trường Xã hội. Đề cập đến văn hóa gia đình và các ảnh hưởng của nó đến hành vi con người. Vai trò của Nhân viên CTXH trong việc giúp đỡ các đối tượng Xã hội ở các giai đoạn phát triển thông qua chính sách Xã hội

### **21) CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần**

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chung về SKTT, một số loại bệnh tâm thần, dấu hiệu và một số can thiệp cần thiết của nhân viên Xã hội, các chính sách, chương trình dịch vụ trong lĩnh vực CSSKTT trên thế giới và Việt Nam. Học phần đồng thời giới thiệu một số mô hình và quy trình can thiệp và một số kỹ năng cơ bản trong dự phòng và can thiệp trị liệu rối nhiễu tâm thần cho bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và cộng đồng.

### **22) Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật**

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan liên quan tới khuyết tật và NKT ở trên thế giới và ở Việt Nam, một số mô hình và phương pháp tiếp cận trong trợ giúp NKT. Phần trọng tâm của học phần sẽ trang bị các phương pháp kỹ năng chuyên sâu trong hỗ trợ NKT đáp ứng các nhu cầu thông qua làm việc trực tiếp với cá nhân, gia đình NKT, nhóm và cộng đồng và Xã hội trong hoạt động trợ giúp NKT.

### **23) CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi Xâm hại, bóc lột và sao nhãng**

Số tín chỉ: 03

Học phần này cung cấp những kiến thức về nhóm trẻ em bị Xâm hại, bóc lột và sao nhãng như các khái niệm trẻ em bị Xâm hại bóc lột, hệ thống luật pháp cũng như những vấn đề về thực trạng về việc Xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em. Ngoài ra học phần cũng cung cấp những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực này như quy trình can thiệp và các kỹ năng chuyên biệt của nhân viên Xã hội trong việc hỗ trợ nhóm trẻ em này.

### **24) Tham vấn điều trị nghiện ma túy**

Số tín chỉ: 03

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về tham vấn, tham vấn cho người nghiện ma túy, yêu cầu chuyên môn của người tham vấn và đặc biệt đi sâu vào quy trình, kỹ năng tham vấn cho người nghiện. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho người học những nội dung tham vấn gia đình người nghiện và những đối tượng đặc thù (như phụ nữ trẻ em) tham gia vào quá trình tham vấn điều trị nghiện ma túy.

## **2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo**

### **2.9.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo**

Trong quá trình Xây dựng chuẩn đầu ra chương trình ngành Công tác Xã hội, Nhà

trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- **Các chương trình trong nước:**
  - Trường đại học Sư phạm Hà Nội
  - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam
- **Các chương trình nước ngoài**
  - Florida University

### 2.9.2. So sánh các chương trình đào tạo

**Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước**

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
<b>Trường đại học sư phạm Hà Nội</b>	<b>Cấu trúc</b>	<b>Tổng: 61 tín chỉ</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối học văn chung: 10 tín chỉ</li> <li>- Khối học văn cơ sở ngành: 30 tín chỉ</li> <li>- Khối học văn chuyên ngành: 9 tín chỉ trong đó bắt buộc là 6TC và tự chọn là 3 TC</li> <li>- Luận văn tốt nghiệp: 6 TC</li> </ul>	<b>Tổng: 60 tín chỉ</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Kiến thức chung: 4 tín chỉ</li> <li>-Kiến thức cơ sở: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Học phần bắt buộc: 7 TC</li> <li>+ Học phần tự chọn: 6 TC.</li> </ul> </li> <li>-Kiến thức chuyên ngành: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Học phần bắt buộc: 19 TC</li> <li>+ Học phần tự chọn: 16 TC</li> </ul> </li> <li>-Luận văn thạc sỹ: 12 TC</li> </ul>	Số lượng TC của ULSA ít hơn là 60TC so với 61 TC. Có sự khác biệt lớn trong cách gọi và cách phân chia chương trình đào tạo giữa 2 trường. Tuy nhiên về cơ bản các môn học cụ thể là khá tương đồng. Cụ thể là không có sự khác biệt giữa khối kiến thức học văn chung và khối kiến thức cơ sở ngành của 2 chương trình Ngoài ra, chương trình học mặc dù số tín chỉ không có sự chênh lệch nhiều nhưng các môn học đặc biệt là các môn lựa chọn trong khối kiến thức học văn ngành của Sư phạm hay kiến thức ngành cốt lõi của ULSA có sự khác biệt lớn. Lý do là vì mỗi cơ sở đào tạo có những thế mạnh riêng nên thường lựa chọn các môn thuộc đặc thù của cơ sở mình. Còn về cơ bản các khối

				kiến thức là tương đồng giữa 2 cơ sở đào tạo
	<b>Nội dung</b>	<p><b>Các học phần có tên gọi khác là:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Một số vấn đề về giáo dục học hiện đại</li> <li>Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông</li> <li>Một số vấn đề về đổi mới sang tạo</li> <li>Thiết kế nghiên cứu công tác Xã hội: lý thuyết và thực hành.</li> <li>Xây dựng và quản lý dự án CTXH</li> <li>Tham vấn, trị liệu tâm lý</li> <li>Công tác Xã hội liên văn hóa</li> <li>Chăm sóc sức khỏe tâm thần dựa vào cộng đồng</li> <li>Công tác Xã hội trong hệ thống nhà trường</li> <li>Công tác Xã hội trong lĩnh vực y tế</li> <li>Công tác Xã hội với trẻ em có hành vi lệch chuẩn</li> <li>Chính sách y tế và vận động chính sách cho người bệnh.</li> </ol>	<p><b>Các học phần có tên gọi khác là:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Phân tích và hoạch định chính sách Xã hội</li> <li>Tâm lý học lao động</li> <li>Trị liệu tâm lý</li> <li>Giới và phát triển bền vững</li> <li>Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng</li> <li>Phương pháp nghiên cứu công tác Xã hội nâng cao</li> <li>Công tác Xã hội quốc tế</li> <li>Công tác Xã hội cá nhân nâng cao</li> <li>Công tác Xã hội nhóm nâng cao</li> <li>Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Xã hội</li> <li>Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ</li> <li>Kiểm huấn trong Công tác Xã hội</li> <li>Thực hành công tác Xã hội chuyên sâu</li> <li>CTXH và chính sách Xã hội với gia đình</li> <li>Đánh giá lâm sàng trong CTXH</li> </ol>	<p>Chương trình tham khảo có nhiều môn khác nhưng chủ yếu nằm ở các học phần liên quan đến khối kiến thức đại cương. Khối kiến thức cơ sở ngành và nhóm ngành khá tương thích (khoảng 80% trừ những môn tự chọn).</p> <p>Có một số môn khác biệt là các môn hướng tới lĩnh vực trẻ em và các vấn đề trong trường học vì đó là một trong những đặc thù của trường sư phạm. Còn với ULSA thì tập trung nhiều hơn vào các môn liên quan tới chính sách và an sinh Xã hội.</p>

		13. Phương pháp chẩn đoán và đánh giá các vấn đề tâm thần.	16. CTXH với thanh thiếu niên 17. CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình 18. CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần. 19. CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi Xâm hại, bóc lột và sao nhãng 20. Tham vấn điều trị nghiện ma túy	
<b>Học viện thanh thiếu niên Việt Nam</b>	<b>Cấu trúc</b>	<b>Tổng: 60 tín chỉ</b> -Kiến thức chung: 11TC -Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 34 TC + Kiến thức bắt buộc: 24 TC + Kiến thức tự chọn: 10 TC -Luận văn: 15 TC	<b>Tổng: 60 tín chỉ</b> -Kiến thức chung: 4 tín chỉ -Kiến thức cơ sở: + Học phần bắt buộc: 7 TC + Học phần tự chọn: 6 TC. -Kiến thức chuyên ngành: + Học phần bắt buộc: 19 TC + Học phần tự chọn: 16 TC -Luận văn thạc sỹ: 12 TC	Số lượng TC của ULSA và HVTTN VN. Có sự khác biệt lớn trong cách gọi và cách phân chia chương trình đào tạo giữa 2 trường. Tuy nhiên về cơ bản các môn học cụ thể là khá tương đồng. Số lượng tín chỉ chênh nhau giữa 2 chương trình đào tạo tập trung ở nội dung kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình của HV TTN. Còn đối với luận văn là tương đồng.
	<b>Nội dung</b>	<b>Các học phần có tên gọi khác là:</b> 1. Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong CTXH 2. Tham vấn, trị liệu tâm lý 3. Công tác Xã hội trường học nâng cao 4. Thực hành CTXH với thanh thiếu nhi	<b>Các học phần có tên gọi khác là:</b> 1. Phân tích và hoạch định chính sách Xã hội 2. Tâm lý học lao động 3. Trị liệu tâm lý 4. Giới và phát triển bền vững 5. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Đối với khối kiến thức nền tảng về CTXH là không có sự khác biệt giữa 2 chương trình của 2 cơ sở đào tạo. Sự khác biệt nằm ở chỗ chương trình của HV TTN nhấn mạnh nhiều tới các môn liên quan tới kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về công tác Đoàn, Hội, gắn

		<p>5. Công tác Xã hội với thanh thiếu niên nghiên ma túy</p> <p>6. Công tác Xã hội với thanh niên và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn</p> <p>7. CTXH thanh thiếu nhi dân tộc ít người</p> <p>8. CTXH với thanh thiếu niên vi phạm pháp luật</p>	<p>6. Phương pháp nghiên cứu công tác Xã hội nâng cao</p> <p>7. Công tác Xã hội quốc tế</p> <p>8. Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Xã hội</p> <p>9. Thực hành công tác Xã hội chuyên sâu</p> <p>10. CTXH và chính sách Xã hội với gia đình</p> <p>11. Đánh giá lâm sàng trong CTXH</p> <p>12. CTXH với thanh thiếu niên</p> <p>13. CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình</p> <p>14. CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần.</p> <p>15. CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi Xâm hại, bóc lột và sao nhãng</p> <p>16. Tham vấn điều trị nghiên ma túy</p>	<p>với đối tượng thanh thiếu nhi. Tương tự như vậy kiến thức này được vận dụng trong các môn chuyên ngành của CTXH</p> <p>Còn chương trình của ULSA nhấn mạnh nhiều hơn các môn liên quan tới chính sách và các lĩnh vực đặc thù. Tuy nhiên đó là những môn lựa chọn nên cơ bản 2 chương trình cũng có nhiều tương đồng.</p>
--	--	--	--	--

**Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài**

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
Florida University	Cấu trúc	Tổng: 60 tín chỉ -Cơ sở: 15 tín chỉ bắt buộc cho kiến thức cơ sở	<b>Tổng : 60 tín chỉ</b> -Kiến thức chung: 4 tín chỉ -Kiến thức cơ sở:	Chương trình của ULSA và trường Florida cơ bản là tương đồng về số

		<p>-Chuyên ngành: 30 tín chỉ cho khối kiến thức chuyên ngành (bắt buộc và tự chọn dưới dạng cấp chứng chỉ) về cá nhân, nhóm, gia đình về lĩnh vực điều trị nghiện,</p> <p>-15 tín chỉ cho các học phần lĩnh vực phúc lợi</p>	<p>+ Học phần bắt buộc: 7 TC</p> <p>+ Học phần tự chọn: 6 TC.</p> <p>-Kiến chuyên ngành:</p> <p>+ Học phần bắt buộc: 19 TC</p> <p>+ Học phần tự chọn: 16 TC</p> <p>-Luận văn thạc sỹ: 12 TC</p>	<p>lượng tín chỉ 60/60. Cách thức phân bổ tín chỉ có chút khác biệt khi trường Florida phân chia theo từng năm học, sinh viên còn ULSA phân chia theo khối lượng kiến thức</p> <p>Tuy nhiên về cơ bản 2 chương trình là tương đồng về mặt cấu trúc các môn học</p>
	<b>Nội dung</b>	<p><b>Các học phần có tên gọi khác là:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chính sách Xã hội và dịch vụ</li> <li>2. Thực hành lâm sàng 1, 3 (với NCT và già hóa)</li> <li>3. Hiểu về quy trình lão hóa</li> <li>4. Can thiệp CTXH với gia đình người cao tuổi</li> <li>5. Lý thuyết và thực hành với nhóm.</li> <li>6. Lý thuyết và thực hành với cá nhân và gia đình.</li> <li>7. Thực hành CTXH với người cao tuổi</li> <li>8. Công tác Xã hội y tế</li> <li>9. Tham vấn cho NCT</li> <li>10. Can thiệp lâm sàng với cặp vợ chồng và gia đình trong thực hành CTXH.</li> <li>11. Vấn đề hiện tại trong thực hành cai nghiện</li> <li>12. Đánh giá và điều trị nghiện và</li> </ol>	<p><b>Các học phần có tên gọi khác là:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân tích và hoạch định chính sách Xã hội</li> <li>2. Tâm lý học lao động</li> <li>3. Trị liệu tâm lý</li> <li>4. Giới và phát triển bền vững</li> <li>5. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng</li> <li>6. Phương pháp nghiên cứu công tác Xã hội nâng cao</li> <li>7. Công tác Xã hội quốc tế</li> <li>8. Công tác Xã hội cá nhân nâng cao</li> <li>9. Công tác Xã hội nhóm nâng cao</li> <li>10. Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Xã hội</li> <li>11. Xây dựng và quản lý dự án PTCĐ</li> <li>12. Kiểm huấn trong Công tác Xã hội</li> </ol>	<p>Về nội dung cơ bản 2 chương trình có các học phần nền tảng về CTXH là tương đồng (tuy tên môn học có khác nhau) như các môn liên quan tới lý thuyết CTXH nói chung, đạo đức nghề, các vấn đề về thực hành hay nghiên cứu phân tích số liệu trong CTXH</p> <p>Có một số sự khác biệt ở các môn chuyên sâu và theo đặc thù của các cơ sở đào tạo như chương trình của Florida hướng nhiều đến can thiệp lâm sàng và thực hành với các nhóm đối tượng người cao tuổi, người nghiện, trẻ em, vấn đề tình dục và đặc biệt có sự khác biệt trong học phần hỗ trợ trị liệu động vật.</p>

		<p>các vấn đề liên quan.</p> <p>13. Phòng ngừa nghiên cứu và vấn đề liên quan</p> <p>14. Phương pháp tiếp cận hành vi trong thực hành CTXH</p> <p>15. So sánh chính sách phúc lợi Xã hội</p> <p>16. Dịch vụ sức khỏe tâm thần trong phúc lợi trẻ em</p> <p>17. Giá trị nghề nghiệp trong dịch vụ nhân sinh.</p> <p>18. Khủng hoảng trong cuộc sống của phụ nữ.</p> <p>19. Trị liệu CTXH với vấn đề tình dục</p> <p>20. Hỗ trợ trị liệu động vật trong CTXH.</p>	<p>13. Thực hành công tác Xã hội chuyên sâu</p> <p>14. CTXH và chính sách Xã hội với gia đình</p> <p>15. Đánh giá lâm sàng trong CTXH</p> <p>16. CTXH với thanh thiếu niên</p> <p>17. CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình</p> <p>18. Hành vi con người và môi trường Xã hội nâng cao</p> <p>19. CTXH trong Chăm sóc sức khỏe tâm thần</p> <p>20. CTXH trong bảo vệ trẻ em khỏi Xâm hại, bóc lột và sao nhãng</p> <p>21. Tham vấn điều trị nghiên cứu ma túy</p>	
--	--	---	---	--

### III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trưởng khoa Công tác Xã hội, Trưởng khoa Sau đại học, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương



chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật 02 năm một lần.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hà Xuân Hùng**